

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/DS-PT
Ngày: 26-8-2024
V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt
hại theo Luật trách nhiệm bồi
thường nhà nước.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành T

Bà Nguyễn Thị Bích T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét
xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2024/TLPT-DS ngày
13/5/2024, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Luật trách
nhiệm bồi thường của nhà nước*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án
nhân dân huyện H, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐ-PT ngày 03/7/2024;
Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐ-PT ngày 23/7/2024; Thông báo về
việc mở lại phiên tòa số: 467/TB-PT ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1963;
Bà Trần Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Đan
Phượng, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Hoàng Thế T - Văn phòng luật sư Hoàng Thế T thuộc Đoàn luật
sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 89/10/3 Đồng Tâm, phường 4, thành phố Đà Lạt,
tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Luật sư Nguyễn Đ – Công ty luật TNHH MTV Đại Nguyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 159 Lê Thánh Tông, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Tổ dân phố Sơn Hà, thị trấn Đinh Văn, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T, chức vụ: Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn G – Chấp hành viên Chi Cục thi hành án Dân sự huyện H (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện H). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Theo Quyết định 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trụ sở: Số 22 Trần Phú, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền đã ủy quyền lại cho:

Ông Trương Tùng L - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Đức Trọng, Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ông Phạm Than T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Đức Trọng, Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ông Đặng Hoàng An D – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền số 1475/UQ-BIDV.LĐ ngày 15/12/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đa Phương (*Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương*); Trụ sở: Số 591 Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng,

tỉnh Lâm Đồng. (Đã chấm dứt hoạt động theo văn bản 141/TB-STP ngày 26/9/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng)

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Thùy, sinh năm 1985 là thành viên, Giám đốc Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị L; Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L có nghĩa vụ phải thi hành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 25/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H cưỡng chế thi hành án, bán tài sản đấu giá không đúng quy định nên ông A bà L khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá, yêu cầu của ông bà đã được giải quyết tại Bản án số 51/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và Bản án số 101/2016/DS-PT ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra còn phát sinh Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 204/2020/DS-PT ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông A, bà L cho rằng Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H thực hiện việc cưỡng chế thi hành án đối với diện tích đất 33.202m² thuộc thửa 01 và 30.484m² thuộc thửa 07 tờ bản đồ 18 tại thôn (5) Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện H không đúng quy định nên gây thiệt hại cho ông A, bà L. Vì vậy, ông A, bà L khởi kiện yêu cầu Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện H phải bồi thường cho ông A, bà L số tiền 19.629.365.144 đồng gồm:

Số tiền 9.000.000 đồng chi phí đi lại trong vụ án dân sự mà Tòa án nhân dân huyện H đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 25/3/2013. Cụ thể, chi phí đi lại cho 03 người (ông A, bà L và người đại diện theo ủy quyền của ông bà là ông Đào Tấn Lực) thuê xe taxi từ xã Đan Phượng đến Tòa án nhân dân huyện H mỗi lần (đi và về) là 900.000đồng/lần x 10 lần = 9.000.000 đồng.

Số tiền 126.000.000 đồng đi lại trong vụ án dân sự có kết quả tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trong 03 năm (2013, 2014, 2015) từ xã Đan Phượng,

huyện H đến Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng và lưu trú, nghỉ qua đêm tại huyện Đức Trọng cho 03 người trong 60 lần. Cụ thể, chi phí đi lại và tiền thuê khách sạn cho 03 người (*ông A, bà L và ông Lực*) trung bình là 300.000 đồng/phòng \times 3 người \times 60 lần = 54.000.000đồng, thuê xe taxi từ xã Đan Phượng đến Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng mỗi lần (*cả đi và về*) là 1.200.000đồng/lần \times 60 lần = 72.000.000đồng. Tổng cộng là 126.000.000đồng.

Số tiền 24.000.000 đồng chi phí đi lại và chi phí khác trong vụ án dân sự phúc thẩm có kết quả tại Bản án số 101/DS-PT ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong 01 năm với 10 lần. Cụ thể, chi phí đi lại cho 03 người (*ông A, bà L và ông Lực*) thuê xe taxi từ xã Đan Phượng đến Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng mỗi lần (*đi và về*) là 1.800.000 đồng/lần \times 10 lần = 18.000.000 đồng và tiền ăn uống là 200.000 đồng/người/ngày \times 3 người \times 10 ngày = 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Số tiền 60.000.000 đồng chi phí đi lại, ăn uống trong vụ án dân sự sơ thẩm có kết quả tại Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong 02 năm, mỗi năm 10 lần và tại Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS- PT ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, chi phí đi lại cho 03 người (*ông A, bà L và ông Lực*) thuê xe taxi từ xã Đan Phượng đến Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng mỗi lần (*đi và về*) là 1.800.000đồng lần \times 10 lần/năm \times 2 năm = 36.000.000 đồng và tiền ăn uống là 200.000 đồng/người/ngày \times 3 người \times 10 ngày/năm \times 2 năm = 12.000.000 đồng. Tiền mua vé xe (*đi và về*) đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh là 1.000.000 đồng/vé \times 3 người \times 4 lần = 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Số tiền 219.000.000 đồng chi phí đi lại khác là chi phí ông A, bà L đi khiếu nại tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Số tiền 124.800.000 đồng thiệt hại do công lao động bị mất là 312 công/07 năm (*từ năm 2014-2021*) \times 400.000 đồng/công. Cụ thể để có người làm trên diện tích đất 33.202m² thửa 01 và 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 tại thôn (5) Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện H thì mỗi năm ông A phải thuê khoản 44 công/01năm để làm đất trên.

Số tiền 3.797.070.544 đồng do trả tiền lãi và tiền phạt cho Ngân hàng đến ngày 19/12/2021 theo văn bản trình bày của Ngân hàng

Số tiền 120.000.000 đồng bồi thường do tiền công lao động bị mất của

một người trong 06 năm phải đi khiếu kiện, trung bình là 04 tháng/năm x 5.000.000 đồng/tháng x 6 năm.

Số tiền 13.900.000 đồng bồi thường thiệt hại về tinh thần do danh dự, uy tín bị xâm phạm là 10 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng.

Đối với diện tích đất 33.202m² thửa 01 và 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 tại thôn (5) Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện H thì từ trước đến nay gia đình ông A, bà L vẫn quản lý sử dụng đất nhưng do việc cưỡng chế thi hành án không đúng, ông bà phải đi khởi kiện thời gian dài nên việc đầu tư, chăm sóc của ông A, bà L không được tốt mà cần phải có sự phụ giúp của các con ông bà dẫn đến một số cây trồng đã chết nên làm cho sản lượng nông sản ông bà thu hoạch hàng năm bị giảm sút đáng kể, từ đó đến nay trên hai thửa đất trên có khi chỉ làm thời vụ, trồng cây ngắn ngày, ông bà vẫn thu hoạch hàng năm nhưng giá trị giảm sút đáng kể, gồm: Số tiền 8.000.000.000 đồng bị thiệt hại về sản lượng cà phê Catimo mất trong 8 năm (2015 – 2022), với sản lượng thu hoạch bình quân là 100 tấn cà phê quả tươi/năm x giá bình quân là 10.000 đồng/kg x 8 năm; Số tiền 28.000.000 đồng; bị thiệt hại về sản lượng cà phê Mít trong 8 năm (2015 – 2022), với sản lượng thu hoạch bình quân là 700kg cà phê quả tươi/năm x giá bình quân là 5.000 đồng/kg x 8 năm; Số tiền 200.000.000 đồng bị thiệt hại về sản lượng Cà ri trong 8 năm (2015 – 2022), với sản lượng thu hoạch bình quân là 1.000kg/năm x giá bình quân là 25.000 đồng/kg x 8 năm; Số tiền 320.000.000 đồng bị thiệt hại về sản lượng Macca trong 8 năm (2015 – 2022), với sản lượng thu hoạch bình quân là 1.000kg/năm x giá bình quân là 40.000 đồng/kg x 8 năm; Số tiền 11.200.000 đồng bị thiệt hại về sản lượng Xoài từ năm (2015 – 2022), với sản lượng thu hoạch bình quân là 700kg/năm x giá bình quân là 2.000 đồng/kg x 8 năm.

Yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng bị chết trên diện tích đất 33.202m² thuộc thửa 01 và diện tích đất 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 tọa lạc tại thôn 5, xã Đan Phượng, huyện H, tỉnh Lâm Đồng tổng cộng là 5.344.394.600 đồng. Căn cứ vào bốn biên bản thẩm định giá để chứng minh số cây bị chết cụ thể: Giá trị cây Cà phê bị thiệt hại là 4.184.224.600 đồng (21.058 cây x 198.700 đồng/cây); Giá trị cây Bưởi da xanh bị thiệt hại là 896.532.000 đồng (840 cây x 1.067.300 đồng/cây); Giá trị cây Cà Ri bị thiệt hại là 141.750.000 đồng (2.250 cây x 63.000 đồng/cây); Giá trị cây Macca bị thiệt hại là 91.263.200 đồng (86 cây x 1.061.200 đồng/cây); Giá trị cây Xoài bị thiệt hại là 11.650.800 đồng (14 cây x 832.200 đồng/cây); Giá trị cây Bơ bị thiệt hại là 10.625.000 đồng (25cây x 425.000 đồng/cây); Giá trị cây Mít bị thiệt hại là 8.349.000 đồng (23cây x

363.000 đồng/cây).

Ngoài ra ông A, bà L không còn yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện H do người đại diện theo pháp luật ông Bùi Văn T và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn G trình bày:* Tại văn bản 336 ngày 24/5/2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện H xác định quá trình tổ chức thi hành án do vợ chồng ông Nguyễn Văn A không tự nguyện thi hành các khoản theo các quyết định thi hành án, do vậy Chấp hành viên đã tiến hành kê biên tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi tài sản được bán đấu giá thành, do không đồng ý với kết quả bán đấu giá, vợ chồng ông A đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu xem xét hủy kết quả bán đấu giá. Ngày 27 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ việc, tuyên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng hủy kết quả bán đấu giá. Việc hủy kết quả bán đấu giá này chỉ ảnh hưởng và gây thiệt hại cho người mua trúng đấu giá tài sản, mà không ảnh hưởng hoặc thiệt hại đối với vợ chồng ông A, bởi trên thực tế vợ chồng ông A vẫn trực tiếp quản lý, khai thác đối với tài sản đã kê biên, bán đấu giá. Do đó ông A, bà L không phải là người bị thiệt hại.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường...”; Căn cứ vào quy định này và thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên án (ngày 27/9/2016) thì hiện tại đã hết thời hiệu để yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường. Với những lý do trên, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xem xét Đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định. Vì vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H không đồng ý bồi thường bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Ngoài ra, phía bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng (gọi tắt là BIDV chi nhánh Lâm Đồng) trình bày:* Căn cứ vào Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 25/3/2013 và Bản án số 08/2013/KDTM-ST ngày 31/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng BIDV chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 671/2010/HĐ ngày 29/11/2010 và số 712/2010/HĐ ngày 28/12/2010 là 3.600.000.000 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật vợ chồng ông A, bà L đã trả cho Ngân hàng số tiền là 1.544.319.292 đồng. Tính đến ngày 19/12/2021 vợ chồng ông A, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền là 5.852.751.252 đồng (*trong đó tiền gốc là 2.055.680.708 đồng, tiền lãi và lãi phạt là 3.797.070.544 đồng*). Nay vợ chồng ông A bà L đang tranh chấp với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ngân hàng BIDV Chi nhánh Lâm Đồng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Ngân hàng. Ngoài ra đại diện Ngân hàng không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn Đa Phương (Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương) do người đại diện tham gia tố tụng là bà Phạm Thị Thùy trình bày:* Theo đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị L thì vấn đề người khởi kiện ông A, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lâm Đồng giải quyết trong vụ án là yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng bồi thường. Nội dung khởi kiện này liên quan đến trình tự, thủ tục thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, không liên quan đến trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản.

Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương là một tổ chức đấu giá được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật; cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản cho người có tài sản đấu giá; thực hiện việc đấu giá tài sản theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Luật đấu giá tài sản, Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 về bán đấu giá tài sản ... Đối với trách nhiệm pháp lý về tính hợp pháp của trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, kê biên..... thuộc về Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương không tham gia, không có thẩm quyền theo luật định để tham gia vào toàn bộ quá trình thi hành án của cơ quan thi hành án.

Mặt khác, trước đây Công ty TNHH Đa Phương tổ chức bán đấu giá 02 tài sản là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 18 có diện tích 30.484m² tại thôn 5, xã Đan Phượng, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM927343 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 18 có diện tích 33.202m² tại thôn 5, xã Đan Phượng, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN638752, đã bị hủy kết quả bán đấu giá tài sản bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật là Bản án số 101/2016/DS-PT ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 204/2020/DS-PT ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố

Hồ Chí Minh; Bản án số 55/2022/DS- ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H. Ngày 26/9/2023, Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 141/TB-STP ngày 26/9/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, Công ty Đấu giá Hợp danh Đa Phương không có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bà Thùy có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DSST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Long số tiền là 78.660.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L về yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng bồi thường số tiền 19.602.805.144 đồng (*Mười chín tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/4/2024, nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị L kháng cáo không đồng ý một phần nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 12/4/2024 Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà kháng cáo không đồng ý bồi thường, hơn nữa cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; Công ty trách nhiệm hữu hạn Đa Phương có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ông A, bà L yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản. Tại Bản án sơ thẩm số: 51/2015/ST-DS ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng và Bản án số: 101/2016/PT-DS ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên hủy kết quả bán đấu giá tài sản nêu trên. Đồng thời xác định lỗi dẫn đến hủy kết quả bán đấu giá tài sản thuộc về Chi cục Thi hành án dân sự huyện H trong quá trình thực hiện thủ tục tổ chức cưỡng chế, kê biên, thỏa thuận về giá, tổ chức thẩm định giá, trình tự thủ tục bán đấu giá, giảm giá làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự phải thi hành án. Đồng thời, vợ chồng ông A, bà L khởi kiện yêu cầu Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện H phải bồi thường cho ông A, bà L số tiền 19.629.365.144 đồng bao gồm tổng các chi phí trong việc đi lại khởi kiện các vụ án, bồi thường do việc cưỡng chế thi hành án không đúng, ông bà phải đi khởi kiện thời gian dài nên việc đầu tư, chăm sóc của ông A, bà L không được tốt mà cần phải có sự phụ giúp của các con ông bà dẫn đến một số cây trồng đã chết nên làm cho sản lượng nông sản thu hoạch hàng năm bị giám sút. Phía bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị L và kháng cáo của bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà thì thấy rằng:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện: Chi cục Thi hành án dân sự có lỗi trong việc kê biên, cưỡng chế, ủy quyền bán đấu giá tài sản, dẫn đến quyền lợi của vợ

chồng ông A bà L bị xâm phạm và để bảo vệ quyền lợi của mình, ông A, bà L phải đi khởi kiện và tại Bản án số 03/2019/ST-DS ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án số: 204/2020/PT-DS ngày 30/6/2020 của Tòa án Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết có hiệu lực nên thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 30/6/2020. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3.2] Tại Bản án sơ thẩm số: 51/2015/ST-DS ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng và Bản án số: 101/2016/PT-DS ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng làm căn cứ yêu cầu bồi thường, xác định lỗi dẫn đến việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản là thuộc về Chi cục thi hành án dân sự huyện H và Công ty TNHH Đa Phương nhưng không xác định cụ thể lỗi dẫn đến kết quả bán đấu giá bị hủy là của Chi cục thi hành án dân sự bao nhiêu %, Công ty TNHH Đa Phương bao nhiêu %. Tuy nhiên, Công ty TNHH Đa Phương chỉ là đơn vị nhận ủy quyền của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Do đó, trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ kê biên, đấu giá tài sản vẫn thuộc về Chi cục thi hành án dân sự huyện H, lỗi chính dẫn đến việc Tòa án tuyên hủy kết quả bán đấu giá tài sản vẫn thuộc về Chi cục thi hành án dân sự huyện H nên cần xác định chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường là Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

[3.3] Đối với các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa vợ chồng ông Nguyễn Văn A bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện H phải bồi thường thiệt hại tổng cộng số tiền 19.629.365.144 đồng bao gồm các khoản sau:

[3.3.1] Yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng chi phí đi lại trong vụ án dân sự mà Tòa án nhân dân huyện H ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 25/3/2013.

Xét thấy, trong vụ án này ông A bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng nên Ngân hàng khởi kiện ông A, bà L; việc vợ chồng ông A bà L phải có mặt tham gia tố tụng là thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định pháp luật. Đồng thời, thời điểm này chưa phát sinh việc thi hành án nên không liên quan đến Chi cục thi hành án Dân sự huyện H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, ông A, bà L yêu cầu Chi Cục thi hành án Dân sự huyện H bồi thường chi phí đi lại trong vụ án trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3.2] Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 126.000.000 đồng đi lại trong vụ án dân sự khởi kiện “Yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá” theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng; Yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng chi phí đi lại và chi phí khác trong vụ án dân sự phúc thẩm theo Bản án phúc thẩm số: 101/DS-PT ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000 đồng chi phí đi lại, ăn uống trong vụ án dân sự sơ thẩm khởi kiện “Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tín dụng, hủy quyết định cá biệt, tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Bản án số: 03/2019/ST-DS ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án số: 204/2020/PT-DS ngày 30/6/2020 của Tòa án Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, Chi cục Thi hành án dân sự có lỗi trong việc kê biên, cưỡng chế, ủy quyền bán đấu giá tài sản chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, dẫn đến vợ chồng ông A bà L phải đi khởi kiện và được ban hành các Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng; Bản án số 03/2019/ST-DS ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án số 204/2020/PT-DS ngày 30/6/2020 của Tòa án Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Để có được các Bản án nêu trên và để có căn cứ ông A, bà L thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thì ông A bà L phải đi khởi kiện nên phát sinh chi phí đi lại, ăn ở, thực tế là có thiệt hại xảy ra cho ông A, bà L nên Chi cục Thi hành án dân sự phải có trách nhiệm bồi thường.

Tổng chi phí ông A, bà L yêu cầu bồi thường là 210.000.000 đồng (126.000.000 đồng + 24.000.000 đồng + 60.000.000 đồng), bao gồm chi phí thuê xe và chi phí ăn ở cho 03 người tham gia tố tụng là ông A, bà L và ông Đào Tuấn Lực (người đại diện theo ủy quyền). Theo quy định tại Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì “chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp với giá trị được xác định tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này nhưng tối đa không quá mức quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức; chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước” nhưng ông A, bà L không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp như hợp đồng thuê taxi, hóa đơn thanh toán phòng nghỉ, cụ thể các lần thuê xe, thuê phòng nghỉ, số lượng 03 người đi tham gia tố tụng ... như ông bà trình bày nên không có cơ sở để xem xét chi phí theo như yêu cầu của ông A, bà L kê ra là 210.000.000 đồng. Hơn nữa ông A, bà L đã ủy quyền cho ông Đào Tuấn Lực

tham gia tố tụng nên theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng Dân sự thì người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự theo nội dung ủy quyền nên các lần tham gia tố tụng bao gồm cả vợ chồng ông A, bà L và ông Lực là không hợp lý.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì “*Trường hợp người yêu cầu bồi thường không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp đối với các chi phí quy định tại điểm này thì chi phí được bồi thường không quá 06 tháng lương cơ sở tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền*”. Như vậy, chỉ có cơ sở xem xét bồi thường không quá 06 tháng lương cơ sở cho 01 năm ông A, bà L đi khởi kiện.

Tại phiên tòa, ông A bà L yêu cầu bồi thường tính từ năm 2015 là thời gian ông A, bà L khởi kiện hủy kết quả bán đấu giá đến năm 2024 (*ngày Tòa án xét xử vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*) nên khoảng chi phí này được tính như sau:

Năm 2015 mức lương cơ sở là 1.150.000đồng/tháng x 06 tháng = 6.900.000đồng. (*Theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ*)

Năm 2016 mức lương cơ sở là 1.210.000đồng/tháng x 06 tháng = 7.260.000đồng. (*Theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ*)

Năm 2017 mức lương cơ sở là 1.300.000đồng/tháng x 06 tháng = 7.800.000đồng. (*Theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ*)

Năm 2018 mức lương cơ sở là 1.390.000đồng/tháng x 06 tháng = 8.340.000đồng. (*Theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ*)

Năm 2019 đến năm 2022 mức lương cơ sở là 1.490.000đồng/tháng x 06 tháng x 04 năm = 35.760.000đồng (*Theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ*)

Năm 2023 mức lương cơ sở là 1.800.000đồng/tháng x 06 tháng = 10.800.000đồng (*Theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ*)

Năm 2024 mức lương cơ sở là 1.800.000đồng/tháng (*Theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ*)

Tuy nhiên, ngày 29/3/2024 Tòa án đã xét xử vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên xem xét bồi thường 01

tháng lương cơ sở là 1.800.000đồng. Tổng cộng các khoản được chấp nhận là 78.660.000đồng.

[3.3.3] Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 219.000.000 đồng chi phí đi lại khác là chi phí ông A, bà L đi khiếu nại tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông A, bà L không có chứng cứ chứng minh có việc khiếu nại. Thực tế ông A, bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng để hủy kết quả bán đấu giá và ông A bà L dùng kết quả giải quyết của vụ án này để làm căn cứ đi khởi kiện yêu cầu bồi thường chứ không phải ông bà khiếu nại tại các cơ quan hành chính nhà nước để giải quyết vấn đề nêu trên nên ông A, bà L cho rằng ông bà bị thiệt hại tiền đi lại để khiếu nại tại các cơ quan hành chính nhà nước là không có cơ sở; Căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 không chấp nhận yêu cầu này của ông A, bà L.

[3.3.4] Để có người làm trên diện tích đất 33.202m² thửa 01 và 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 tại thôn (5) Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện H thì mỗi năm ông A phải thuê khoán 44 công/01 năm để làm đất nên ông bà yêu cầu bồi thường số tiền 124.800.000đồng thiệt hại do công lao động bị mất là 312 công/07 năm (từ năm 2014-2021) x 400.000đồng/công. Ngoài ra, ông bà yêu cầu bồi thường số tiền 120.000.000đồng bồi thường do tiền công lao động bị mất của một người trong 6 năm phải đi khiếu kiện, trung bình là 04 tháng/năm x 5.000.000 đồng/tháng x 6 năm.

Xét thấy, ông A, bà L có đơn khởi kiện nên ông bà có nghĩa vụ tham gia tố tụng để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Điều 6 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước cho thấy mất, giảm thu nhập được áp dụng trong trường hợp “*người bị thiệt hại bị áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, tạm giữ người theo thủ tục hành chính*”. Như vậy, việc mất, giảm thu nhập trong một số trường hợp liên quan đến hoạt động quản lý hành chính thì được bồi thường nên việc ông A, bà L đầu tư thời gian vào việc đi khởi kiện hủy kết quả bán đấu giá không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường này của ông A, bà L

[3.3.5] Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 3.797.070.544 đồng do trả tiền

lãi và tiền phạt cho Ngân hàng đến ngày 19/12/2021 theo văn bản trình bày của Ngân hàng.

Theo quy định tại Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Điều 4 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì *“các khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các khoản tiền bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải hoàn trả các khoản tiền đó và khoản lãi cho người bị thiệt hại. Trường hợp các khoản tiền đó là khoản vay có lãi thì khoản lãi được tính là khoản lãi vay hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự”*.

Xét thấy, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 25/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện H thì vợ chồng ông A, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 3.726.841.667đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Đây là nghĩa vụ ông bà phải thực hiện đối với Ngân hàng, chứ không phải đây là các khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo Quyết định của cơ quan thi hành án hoặc các khoản tiền bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nghĩa vụ này không liên quan đến Chi Cục Thi hành án, việc kê biên bán đấu giá tài sản của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H không đúng thì cũng không làm mất đi nghĩa vụ này của ông A, bà L đối với Ngân hàng. Yêu cầu của ông A, bà L không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Do đó, yêu cầu này của ông A, bà L không có cơ sở chấp nhận.

[3.3.6] Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 13.900.000đồng bồi thường thiệt hại về tinh thần do danh dự, uy tín bị xâm phạm là 10 tháng lương cơ sở x 1.390.000đồng/tháng. Tại phiên tòa Luật sư yêu cầu bồi thường là 18.000.000đồng (*10 tháng lương cơ sở x 1.800.000đồng/tháng*).

Xét thấy, theo quy định tại Điều 27 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì thiệt hại về tinh thần được bồi thường trong lĩnh vực quản lý hành chính, tố tụng hình sự, trong trường hợp người bị thiệt hại chết; trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm; trong trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật còn trong hoạt động thi hành án thì không được bồi thường nên trường hợp của ông A, bà L không thuộc trường hợp được bồi thường. Vì vậy, yêu cầu của ông bà không được chấp nhận.

[3.3.7] Đối với yêu cầu bồi thường sản lượng cây trồng trên diện tích đất 33.202m² thuộc thửa 01, diện tích đất 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 xã Đan Phượng bị giảm sút từ năm 2015 đến năm 2022 là 9.839.200.000đồng gồm sản lượng cà phê Rôbusta bị giảm sút là 1.280.000.000 đồng, sản lượng cà phê Catimo bị giảm sút 8.000.000.000 đồng, sản lượng cà phê Mít bị giảm sút là 28.000.000đồng, sản lượng Cà Ri bị giảm sút là 200.000.000 đồng, sản lượng MacCa bị giảm sút là 320.000.000 đồng, sản lượng Xoài bị giảm sút là 11.200.000đồng và đối với yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng bị chết trên hai thửa đất trên là 5.344.394.600 đồng gồm: Cây Cà phê bị thiệt hại là 4.184.224.600đồng, cây Bưởi da xanh bị thiệt hại là 896.532.000 đồng, cây Cà Ri bị thiệt hại là 141.750.000 đồng, cây Macca bị thiệt hại là 91.263.200đồng, cây Xoài bị thiệt hại là 11.650.800 đồng, Cây Bơ bị thiệt hại là 10.625.000 đồng, Cây Mít bị thiệt hại là 8.349.000 đồng.

Xét thấy, ông A, bà L yêu cầu bồi thường sản lượng nông sản ông bà thu hoạch hàng năm bị giảm sút và cây trồng bị chết được hiểu là yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và do thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút. Theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Điều 3, Điều 4 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì tài sản bị xâm phạm là tài sản đã bị phát mãi, bị mất, không sử dụng, không khai thác tài sản do bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, phong tỏa ...

Tuy nhiên, trong hồ sơ thể hiện tháng 10/2014 ông Lưu Đức Hồng là người mua trúng đấu giá tài sản, ông Hồng đã có đơn yêu cầu bàn giao tài sản trúng đấu giá, trong thời gian chờ bàn giao tài sản đến cuối năm 2014 vợ chồng ông A bà L khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản với Công ty TNHH Đa Phương tại Tòa án huyện Đức Trọng nên việc bàn giao tài sản trúng đấu giá chưa được tiến hành trên thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án ông A thừa nhận diện tích đất 33.202m² thửa 01 và 30.484m² thửa 07 tờ bản đồ 18 tại thôn (5) Tân Lập, xã Đan Phượng, huyện H thì từ trước đến nay gia đình ông A, bà L vẫn quản lý sử dụng đất (BL 728, BL 795) nên vợ chồng ông A bà L hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất. Qua so sánh kết quả thẩm định giá năm 2014 tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Thanh; kết quả thẩm định giá năm 2015 tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam Á; chứng thư thẩm định giá năm 2017 của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm

định giá Tiên Phong thì thấy rằng số lượng cây trồng tại 03 chứng thư thẩm định giá do ông A, bà L cung cấp nêu trên không có sự giảm sút mà số lượng, chất lượng cây trồng đều tăng lên. Như vậy, thời điểm ông A, bà L đi khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản thì số lượng cây trồng, chất lượng cây trồng không bị giảm sút nên sản lượng cũng không bị giảm sút. Không có chứng thư thẩm định cũng như tài liệu chứng cứ về cây trồng, chất lượng cây trồng giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022. Đến năm 2023 tại chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Năm Thành Viên thì cây trồng có giảm sút một số loại cây so với thời điểm năm 2014, 2015, 2017 nhưng không có chứng thư thẩm định giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022 để xác định cây trồng giảm sút từ thời gian nào.

Ngoài ra, thửa 01 và thửa 07 có tổng diện tích là 63.686m² thì theo kết quả đo đạc năm 2023 ông A, bà L trồng Cà Chua 22.945.3m², trồng Củ Cải là 29.454m², tại phiên tòa ông A thừa nhận ông chuyển đổi cây trồng vào năm 2022. Như vậy ông A, bà L chuyển đổi trồng la gim phần lớn diện tích đất trên và không có căn cứ xác định cây trồng bị chết, giảm sút từ khi nào. Hơn nữa, nếu có việc sản lượng nông sản giảm sút hay cây trồng bị chết là do quá trình đầu tư, canh tác của gia đình ông bà chứ không phải do Chi Cục Thi hành án phát mãi hay do ai khác nắm giữ, quản lý tài sản là thửa đất 01 và thửa 07 làm cho ông bà không được sử dụng, đầu tư, chăm sóc, khai thác tài sản ... Việc hủy kết quả bán đấu giá là lỗi của Chi Cục Thi hành án nhưng đây chỉ là do trình tự thủ tục bán đấu giá không đúng, còn thực tế tài sản bán đấu giá ông A, bà L vẫn quản lý, khai thác, sử dụng nên không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại. Vì vậy, Căn cứ Điều 7, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không chấp nhận yêu cầu bồi thường này của ông A, bà L.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn Đa Phương (*Công ty đấu giá hợp danh Đa Phương*) trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Ngân hàng và Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án này, nên cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và nội dung của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông A, bà L; Kháng cáo của bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông A, bà L phải

chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm ông A, bà L đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông A, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DSST ngày 29/3/2024 của Toà án nhân dân huyện H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ” đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L số tiền là 78.660.000đồng (*Bảy mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị L về yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lâm Đồng bồi thường số tiền 19.602.805.144 đồng (*Mười chín tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Long phải chịu toàn bộ chi phí cho việc định giá, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 78.020.000đồng (*Bảy mươi tám triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Long đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

4. Về án phí: Ông A, bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định.

Chi cục thi hành án dân sự huyện H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm Nguyễn Thị Bích Thảo

Nguyễn Văn Đức

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện H (01);
- Chi cục THADS huyện H (01);
- Đường sự (08);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức